

UBND THÀNH PHỐ CÀ MAU
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1071/PGDĐT

TP Cà Mau, ngày 27 tháng 9 năm 2024

V/v hướng dẫn thực hiện chi trả chế độ
Chính sách theo Nghị định số 76/2019/NĐ-
CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ liên
quan đến Quyết định số 497/QĐ-UBND
ngày 30/7/2024 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm
Ủy ban Dân tộc

Kính gửi: **Hiệu trưởng các trường Mầm non – Mẫu giáo,
Tiểu học, Trung học cơ sở**

Căn cứ Công văn số 3157/SGDĐT-KHTC ngày 23/9/2024 của Sở Giáo dục và
Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện chi trả chế độ Chính sách theo Nghị định số
76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ liên quan đến Quyết định số 497/QĐ-
UBND ngày 30/7/2024 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

Trường phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố đề nghị Hiệu trưởng các trường
triển khai thực hiện nghiêm túc nội dung Công văn số 3157/SGDĐT-KHTC (đính kèm
các văn bản có liên quan).

Trong quá trình thực hiện, nếu gặp khó khăn, vướng mắc; kịp thời báo cáo về
Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố để được hướng dẫn.

Trường Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố đề nghị Hiệu trưởng các trường
thực hiện tốt nội dung Công văn này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Phòng GD&ĐT TP;
- Lưu: VT.



Lê Minh Trí

UBND TỈNH CÀ MAU
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 3157 /SGDĐT-KHTC
V/v hướng dẫn thực hiện chi trả chế
độ Chính sách theo Nghị định số
76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của
Chính phủ liên quan đến Quyết định
số 497/QĐ-UBND ngày 30/7/2024
của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban
Dân tộc

Cà Mau, ngày 23 tháng 9 năm 2024

Kính gửi:

- Trưởng Phòng GD&ĐT huyện, thành phố Cà Mau;
- Thủ trưởng các đơn vị, trường học trực thuộc Sở GD&ĐT.

Sở Giáo dục và Đào tạo nhận được Công văn số 3827/STC-QLNS ngày 13/9/2024 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện chi trả chế độ Chính sách theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ liên quan đến Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai nội dung Công văn số 3827/STC-QLNS nêu trên đến các đơn vị, trường học để nắm, nghiên cứu và tổ chức thực hiện theo quy định.

(Kèm theo Công văn số 3827/STC-QLNS)

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị các đơn vị, trường học thực hiện tốt nội dung công văn này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.



Lê Hoàng Dự

UBND TỈNH CÀ MAU
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3827 /STC-QLNS

Cà Mau, ngày 13 tháng 9 năm 2024

V/v hướng dẫn thực hiện chi trả chế độ
Chính sách theo Nghị định số
76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của
Chính phủ liên quan đến Quyết định số
497/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của Bộ
trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc

Kính gửi:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy Cà Mau;
- UBND các huyện và thành phố Cà Mau.

Căn cứ Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung và hiệu chỉnh tên huyện, xã, thôn đặc biệt khó khăn; thôn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025. Theo đó, tỉnh Cà Mau có 01 ấp đặc biệt khó khăn (ấp Phú Hiệp A, xã Thanh Tùng huyện Đầm Dơi) và 32 ấp, khóm (25 ấp và 07 khóm) thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số liên quan đến 07 đơn vị cấp huyện (thành phố Cà Mau, Thới Bình, U Minh, Trần Văn Thời, Đầm Dơi, Năm Căn và Ngọc Hiển).

Theo Quyết định số 497/QĐ-UBND phê duyệt điều chỉnh, bổ sung thì tỉnh Cà Mau có 33 ấp, khóm, trong đó có 01 ấp ĐBK (ấp Phú Hiệp, xã Thanh Tùng, huyện Đầm Dơi được hiệu chỉnh thành ấp Phú Hiệp A, xã Thanh Tùng, huyện Đầm Dơi) được giữ nguyên là ấp ĐBK thuộc vùng dân tộc thiểu số (tại Phụ lục III của Quyết định số 497/QĐ-UBND), còn lại 32 ấp, khóm mới phát sinh thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số (tại Phụ lục IV của Quyết định số 497/QĐ-UBND). Như vậy, Quyết định số 497/QĐ-UBND phê duyệt toàn tỉnh Cà Mau tăng 32 ấp, khóm so với Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

Để triển khai Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 đến các đơn vị, địa phương nắm và phối hợp tổ chức thực hiện các chính sách liên quan đến các đối tượng được thụ hưởng, Sở Tài chính xin lưu ý các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện và thành phố Cà Mau một số nội dung sau đây:

1. Về đơn vị hành chính áp dụng.

- Đối với xã Khu vực III (xã đặc biệt khó khăn).

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025, thì tỉnh Cà Mau có 05 đơn vị hành chính cấp xã khu vực III (thuộc xã Khánh Lâm, Khánh Thuận huyện U Minh và xã Thanh Tùng, Ngọc Chánh, Quách Phẩm Bắc huyện Đầm Dơi), không có đơn vị hành chính cấp xã khu vực II và 01 đơn vị hành chính cấp xã khu vực I (Phường 2, thành phố Cà Mau).

- Đối với ấp, khóm đặc biệt khó khăn.

Căn cứ Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 thì toàn tỉnh có 65 ấp, khóm ĐBKK và Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 thì toàn tỉnh có 33 ấp, khóm thuộc vùng đồng bào DTTS (01 ấp, khóm ĐBKK điều chỉnh tên và 32 ấp, khóm **không** thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn). Do đó, tổng số ấp, khóm ĐBKK và ấp, khóm ĐBKK thuộc vùng đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh Cà Mau vẫn giữ nguyên là 65 đơn vị.

2. Về điều kiện hưởng các chế độ, chính sách đối với xã khu vực III; ấp, khóm ĐBKK.

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Nghị định số 76/2016/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ, quy định chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và cơ yếu) công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gồm: Phụ cấp thu hút; phụ cấp công tác lâu năm; trợ cấp lần đầu; trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch; trợ cấp một lần khi chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc khi nghỉ hưu; thanh toán tiền tàu xe; trợ cấp tham quan, học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; phụ cấp ưu đãi theo nghề; phụ cấp lưu động và phụ cấp dạy tiếng dân tộc thiểu số đối với nhà giáo, viên chức quản lý giáo dục, gồm:

“a) Huyện đảo Trường Sa, Hoàng Sa, DK1;

b) Các xã khu vực III thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi, xã đảo đặc biệt khó khăn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

c) Các thôn, buôn, xóm, bản, làng, phum, sóc, ấp, ... (gọi chung là thôn) đặc biệt khó khăn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ”.

Như vậy, các địa phương, đơn vị có đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 76/2016/NĐ-CP đang trực tiếp công tác (có trụ sở làm việc) đóng trên địa bàn thuộc các xã khu vực III (05 xã nêu trên) và các ấp, khóm ĐBKK (65 ấp, khóm nêu trên) sẽ được thụ hưởng các chế độ, chính sách ưu đãi theo quy định hiện hành của nhà nước (*Chi tiết các ấp, khóm được hưởng chế độ, chính sách theo Phụ lục đính kèm*).

Trên đây là một số nội dung rà soát thực hiện chế độ, chính sách theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ liên quan đến Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc, Sở Tài chính hướng dẫn và gửi đến các đơn vị, địa phương nắm. Trong quá trình tổ

chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc thì kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để được phối hợp thực hiện.

Gửi kèm theo Quyết định Quyết định số 497/QĐ-UBND của Ủy ban Dân tộc./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (thay BC);
- Phòng TC-KC huyện, TP Cà Mau;
- Thanh tra Sở;
- Lưu: VT, QLNS.

GIÁM ĐỐC



Đoàn Quốc Khởi

RÀ SOÁT ĐỊA BÀN ĐƯỢC HƯỞNG CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 76/2019/NĐ-CP NGÀY 08/10/2019 CỦA CHÍNH PHỦ
(XÃ KHU VỰC III VÀ ÁP ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN THUỘC VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH CÀ MAU GIAI ĐOẠN 2021 - 2025)

TT	Tên huyện, xã, thôn	Hiệu lực		Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 (Xã vùng DB DTTS và MN, Xã khu vực III (DBKK))	Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021		Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 30/7/2024	Chế độ chính sách theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 áp dụng tại thời điểm hiện nay		Ghi chú
		Từ	Đến		Áp/Khóm thuộc xã/phường KV III (DBKK)	Áp/Khóm DBKK thuộc vùng DB DTTS & MN		Áp/Khóm thuộc vùng DB DTTS & MN (không phải DBKK)	Áp/Khóm thuộc xã/phường KV III (DBKK)	Áp/Khóm DBKK thuộc vùng DB DTTS & MN
A	B	C		I	2	3	4	5	6	E
	Tổng cộng			5	22	43	32	22	43	TỔNG SỐ ĐỊA BÀN ĐƯỢC HƯỞNG: 65
I	HUYỆN U MINH			2	11	7	2	11	7	
1	Xã Khánh Lâm			1	4	0	0	4	0	
	Áp 6	16/09/2021	nay		X			X		
	Áp 7	16/09/2021	nay		X			X		
	Áp 11	16/09/2021	nay		X			X		
	Áp 15	16/09/2021	nay		X			X		
2	Xã Khánh Thuận			1	7	0	0	7	0	
	Áp 1	16/09/2021	nay		X			X		
	Áp 4	16/09/2021	nay		X			X		
	Áp 9	16/09/2021	nay		X			X		
	Áp 10	16/09/2021	nay		X			X		
	Áp 11	16/09/2021	nay		X			X		
	Áp 20	16/09/2021	nay		X			X		
	Áp 21	16/09/2021	nay		X			X		
3	Xã Khánh Hội			0	0	2	0	0	2	
	Áp 1	16/09/2021	nay			X			X	
	Áp 9	16/09/2021	nay			X			X	
4	Xã Khánh Hòa			0	0	1	2	0	1	
	Áp 5	15/08/2024	nay				X			Bổ sung (QĐ 497)
	Áp 6	16/09/2021	nay			X			X	
	Áp 8	15/08/2024	nay				X			Bổ sung (QĐ 497)
5	Xã Nguyễn Phích			0	0	4	0	0	4	
	Áp 9	16/09/2021	nay			X			X	
	Áp 12	16/09/2021	nay			X			X	
	Áp 13	16/09/2021	nay			X			X	
	Áp 16	16/09/2021	nay			X			X	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Hiệu lực		Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 (Xã vùng DB DTTS và MN, Xã khu vực III (ĐBKK))	Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021		Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 30/7/2024	Chế độ chính sách theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 áp dụng tại thời điểm hiện nay		Ghi chú
		Từ	Đến		Áp/Khóm thuộc xã/phường KV III (ĐBKK)	Áp/Khóm ĐBKK thuộc vùng DB DTTS & MN		Áp/Khóm thuộc vùng DB DTTS & MN (không phải ĐBKK)	Áp/Khóm ĐBKK thuộc vùng DB DTTS & MN	
II	HUYỆN ĐÀM DƠI			3	11	10	1	11	10	
1	Xã Thanh Tùng			1	3	0	0	3	0	
	Áp Tân Điền A	16/09/2021	nay		X			X		
	Áp Tân Điền B	16/09/2021	nay		X			X		
	Áp Phú Hiệp A	16/09/2021	nay		X			X		Điều chỉnh tên gọi Áp Phú Hiệp thành Áp Phú Hiệp A (QĐ 497)
2	Ngọc Chánh			1	3	0	0	3	0	
	Áp Tấn Ngọc	16/09/2021	nay		X			X		
	Áp Hiệp Hoà Tây	16/09/2021	nay		X			X		
	Áp Tấn Ngọc Đông	16/09/2021	nay		X			X		
3	Xã Quách Phẩm Bắc			1	5	0	0	5	0	
	Áp Nhà Cũ	16/09/2021	nay		X			X		
	Áp Cây Kè	16/09/2021	nay		X			X		
	Áp Kinh Ngang	16/09/2021	nay		X			X		
	Áp Xóm Rầy	16/09/2021	nay		X			X		
	Áp Kinh Chuối	16/09/2021	nay		X			X		
4	Xã Nguyễn Huân			0	0	2	0	0	2	
	Áp Vàm Đàm	16/09/2021	nay			X			X	
	Áp Hiệp Dư	16/09/2021	nay			X			X	
5	Xã Tân Thuận			0	0	2	1	0	2	
	Áp Đồng Giác	16/09/2021	nay			X			X	
	Áp Hoà Hải	16/09/2021	nay			X			X	
	Áp Lưu Hoa Thanh	15/08/2024	nay				X			Bổ sung (QĐ 497)
6	Xã Trần Phán			0	0	2	0	0	2	
	Áp Tân Hoà	16/09/2021	nay			X			X	
	Áp Bảo Giá	16/09/2021	nay			X			X	
7	Xã Tân Duyệt			0	0	3	0	0	3	
	Áp Đồng Tâm A	16/09/2021	nay			X			X	
	Áp Đồng Tâm B	16/09/2021	nay			X			X	
	Áp Bá Huê	16/09/2021	nay			X			X	
8	Xã Quách Phẩm			0	0	1	0	0	1	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Hiệu lực		Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 (Xã vùng DB DTTS và MN, Xã khu vực III (ĐBKk))	Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021		Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 30/7/2024	Chế độ chính sách theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 áp dụng tại thời điểm hiện nay		Ghi chú
		Từ	Đến		Áp/Khóm thuộc xã/phường KV III (ĐBKk)	Áp/Khóm ĐBKk thuộc vùng DB DTTS & MN		Áp/Khóm thuộc xã/phường KV III (ĐBKk)	Áp/Khóm ĐBKk thuộc vùng DB DTTS & MN	
	Áp Khai Hoang Vàm	16/09/2021	nay			X			X	
III	HUYỆN THỚI BÌNH			0	0	7	2	0	7	
1	Xã Thới Bình			0	0	1	0	0	1	
	Áp 11	16/09/2021	nay			X			X	
2	Xã Tân Lộc			0	0	1	0	0	1	
	Áp 7	16/09/2021	nay			X			X	
3	Xã Tân Lộc Bắc			0	0	1	1	0	1	
	Áp 4	15/08/2024	nay				X			Bổ sung (QĐ 497)
	Áp 7	16/09/2021	nay			X			X	
4	Xã Tân Phú			0	0	2	0	0	2	
	Áp Tapasa 1	16/09/2021	nay			X			X	
	Áp Dầu Nai	16/09/2021	nay			X			X	
5	Xã Hồ Thị Kỳ			0	0	1	1	0	1	
	Áp Cây Khô	16/09/2021	nay			X			X	
	Áp Đường Đào	15/08/2024	nay				X			Bổ sung (QĐ 497)
6	Xã Biển Bạch			0	0	1	0	0	1	
	Áp Thanh Tùng	16/09/2021	nay			X			X	
IV	H. TRẦN VĂN THỜI			0	0	12	19	0	12	
1	Xã Khánh Bình Tây Bắc			0	0	3	2	0	3	
	Áp 4	15/08/2024	nay				X			Bổ sung (QĐ 497)
	Áp 5	16/09/2021	nay			X			X	
	Áp Mũi Tràm A	16/09/2021	nay			X			X	
	Áp Sào Lưới	15/08/2024	nay				X			Bổ sung (QĐ 497)
	Áp Sào Lưới B	16/09/2021	nay			X			X	
2	Xã Khánh Bình Tây			0	0	2	4	0	2	
	Áp Đá Bạc	15/08/2024	nay				X			Bổ sung (QĐ 497)
	Áp Đá Bạc A	16/09/2021	nay			X			X	
	Áp Cơi Tư	15/08/2024	nay				X			Bổ sung (QĐ 497)
	Áp Cơi 5A	15/08/2024	nay				X			Bổ sung (QĐ 497)
	Áp Cơi 5B	16/09/2021	nay			X			X	
	Áp Cơi 6B	15/08/2024	nay				X			Bổ sung (QĐ 497)
3	Xã Khánh Bình Đông			0	0	4	2	0	4	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Hiệu lực		Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 (Xã vùng DB DTTS và MN, Xã khu vực III (ĐBKK))	Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021		Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 30/7/2024	Chế độ chính sách theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 áp dụng tại thời điểm hiện nay		Ghi chú
		Từ	Đến		Ấp/Khóm thuộc xã/phường KV III (ĐBKK)	Ấp/Khóm ĐBKK thuộc vùng DB DTTS & MN		Ấp/Khóm thuộc vùng DB DTTS & MN (không phải ĐBKK)	Ấp/Khóm ĐBKK thuộc vùng DB DTTS & MN	
	Ấp 6	16/09/2021	nay			X			X	
	Ấp 7	15/08/2024	nay				X			Bổ sung (QĐ 497)
	Ấp 8	16/09/2021	nay			X			X	
	Ấp 9	16/09/2021	nay			X			X	
	Ấp Minh Hà A	16/09/2021	nay			X			X	
	Ấp Minh Hà B	15/08/2024	nay				X			Bổ sung (QĐ 497)
4	Xã Trần Hợi			0	0	0	2	0	0	
	Ấp 6	15/08/2024	nay				X			Bổ sung (QĐ 497)
	Ấp Bình Minh 1	15/08/2024	nay				X			Bổ sung (QĐ 497)
5	Xã Khánh Bình			0	0	0	1	0	0	
	Ấp Rạch Cui	15/08/2024	nay				X			Bổ sung (QĐ 497)
6	Xã Lợi An			0	0	0	2	0	0	
	Ấp Cái Bát	15/08/2024	nay				X			Bổ sung (QĐ 497)
	Ấp Đường Cuốc	15/08/2024	nay				X			Bổ sung (QĐ 497)
7	Xã Khánh Hưng			0	0	2	5	0	2	
	Ấp Kinh Đứng A	16/09/2021	nay			X			X	
	Ấp Kinh Đứng B	16/09/2021	nay			X			X	
	Ấp Kinh Hảng B	15/08/2024	nay				X			Bổ sung (QĐ 497)
	Ấp Kinh Hảng C	15/08/2024	nay				X			Bổ sung (QĐ 497)
	Ấp Nhà Máy A	15/08/2024	nay				X			Bổ sung (QĐ 497)
	Ấp Nhà Máy B	15/08/2024	nay				X			Bổ sung (QĐ 497)
	Ấp Nhà Máy C	15/08/2024	nay				X			Bổ sung (QĐ 497)
8	Xã Khánh Lộc			0	0	0	1	0	0	
	Ấp Kinh Ngang	15/08/2024	nay				X			Bổ sung (QĐ 497)
8	Thị trấn Trần Văn Thời			0	0	1	0	0	1	
	Khóm 4	16/09/2021	nay			X			X	
V	HUYỆN PHÚ TÂN			0	0	4	0	0	4	
1	Thị trấn Cái Đôi Vàm			0	0	1	0	0	1	
	Khóm 5	16/09/2021	nay			X			X	
2	Xã Nguyễn Việt Khái			0	0	3	0	0	3	
	Ấp Gò Công	16/09/2021	nay			X			X	
	Ấp Gò Công Đông	16/09/2021	nay			X			X	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Hiệu lực		Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 (Xã vùng DB DTTS và MN, Xã khu vực III (ĐBKK))	Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021		Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 30/7/2024	Chế độ chính sách theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 áp dụng tại thời điểm hiện nay		Ghi chú
		Từ	Đến		Áp/Khóm thuộc xã/phường KV III (ĐBKK)	Áp/Khóm ĐBKK thuộc vùng DB DTTS & MN		Áp/Khóm thuộc vùng DB DTTS & MN (không phải ĐBKK)	Áp/Khóm thuộc xã/phường KV III (ĐBKK)	
	Áp Tân Quảng Tây	16/09/2021	nay			X			X	
VI	HUYỆN CÁI NƯỚC			0	0	1	0	0	1	
1	Xã Đông Thới			0	0	1	0	0	1	
	Áp Khánh Tư	16/09/2021	nay			X			X	
VII	HUYỆN NGỌC HIỂN			0	0	0	1	0	0	
1	Xã Đất Mũi			0	0	0	1	0	0	
	Áp Cái Mồi	15/08/2024	nay				X			Bổ sung (QĐ 497)
VIII	HUYỆN NĂM CĂN			0	0	2	1	0	2	
1	Thị trấn Năm Căn			0	0	1	1	0	1	
	Khóm 5	16/09/2021	nay			X			X	
	Khóm Tắc Năm Căn	15/08/2024	nay				X			Bổ sung (QĐ 497)
2	Xã Lâm Hải			0	0	1	0	0	1	
	Áp Biện Trưng	16/09/2021	nay			X			X	
IX	THÀNH PHỐ CÀ MAU			0	0	0	6	0	0	
1	Phường 1			0	0	0	3	0	0	
	Khóm 2	15/08/2024	nay				X			Bổ sung (QĐ 497)
	Khóm 3	15/08/2024	nay				X			Bổ sung (QĐ 497)
	Khóm 4	15/08/2024	nay				X			Bổ sung (QĐ 497)
2	Phường 2	04/07/2021	nay	0	0	0	0	0	0	
3	Phường 4			0	0	0	3	0	0	
	Khóm 1	15/08/2024	nay				X			Bổ sung (QĐ 497)
	Khóm 2	15/08/2024	nay				X			Bổ sung (QĐ 497)
	Khóm 5	15/08/2024	nay				X			Bổ sung (QĐ 497)

Ghi chú:

- Xã khu vực III : là xã đặc biệt khó khăn theo Điều 3 Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020
- Xã khu vực III được hưởng chế độ chính sách theo quy định tại Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 và thời hưởng chế độ chính sách kể từ ngày Quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới có hiệu lực.
- Xã khu vực III và áp/khóm đặc biệt khó khăn được hưởng chế độ chính sách theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 chi tiết theo Cột 5 và Cột 6